

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

**Kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật
liên quan đến dự thảo Nghị định quy định về cán bộ, công chức cấp xã và
người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố**
(Kèm theo Tờ trình số 1939/TTr-BNV ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Bộ Nội vụ)

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang tại Văn bản số 1191/VPCP-TCCV ngày 25/02/2023 của Văn phòng Chính phủ về việc xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (sau đây gọi chung là dự thảo Nghị định), Bộ Nội vụ báo cáo kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

Toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương còn hiệu lực có quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

2. Mục đích, yêu cầu rà soát

Qua rà soát nhằm xác định các quy định của pháp luật có nội dung liên quan đến chức vụ, chức danh, số lượng, tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ, chính sách; tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; từ đó đề xuất nội dung quy định tại dự thảo Nghị định để bảo đảm tính hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Qua rà soát cho thấy số lượng các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố là rất lớn, phạm vi tương đối rộng trên các lĩnh vực do đó, việc rà soát tất cả các quy định của pháp luật có nội dung liên quan đến các quy định về chức vụ, chức danh, số lượng, tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ, chính sách; tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố có khối lượng công việc rất lớn và cần nhiều thời gian.

Việc đưa tất cả các quy định của pháp luật có liên quan về cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trong một dự thảo Nghị định đòi hỏi phải có rà soát tất cả pháp luật chuyên ngành có liên quan. Vì vậy, để đảm bảo tính bao quát của dự thảo Nghị định, đối với các quy định đã được áp dụng, dự thảo Nghị định sẽ quy định theo hướng dẫn chiếu áp dụng các Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Tổng văn bản được rà soát

Tiến hành rà soát toàn bộ hệ thống Văn bản quy phạm pháp luật gồm: luật; nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ; thông tư của Bộ, cơ quan ngang Bộ. *(Phụ lục rà soát chi tiết kèm theo)*

2. Kết quả rà soát

2.1. Về số lượng, chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã

- Về chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã được quy định tại Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); Luật hộ tịch, Luật Dân quân tự vệ; Luật Công an nhân dân và các Nghị định: Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ quy định về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Theo đó, Điều 3 Nghị số 92/2009/NĐ-CP quy định 11 chức vụ cán bộ và 7 công chức cấp xã

- Về số lượng cán bộ, công chức được quy định tại Khoản 4 Điều 84, Điều 87 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Theo đó, Chính phủ quy định khung số lượng cán bộ, công chức cấp xã và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã. Cụ thể: Điều 4 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP (sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP) đã quy định số lượng cán bộ, công chức theo loại ĐVHC (loại I - II - III tương ứng là 23 - 21 - 19 người). Trường hợp bố trí công an chính quy ở xã, thị trấn thì số lượng cán bộ, công chức giảm 01 người so với quy định

2.2 Về quyền và nghĩa vụ, của cán bộ, công chức cấp xã và những điều cán bộ, công chức không được làm.

Quyền và nghĩa vụ của cán bộ, công chức cấp xã được quy định cụ thể tại Điều 8 đến Điều 11 Nghị định số 114/2003/NĐ-CP về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn. Đến năm 2008, quyền và nghĩa vụ của cán bộ, công chức cấp xã được quy định tại Điều 62 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Theo đó cán bộ, công chức cấp xã có nghĩa vụ và quyền các nghĩa vụ,

quy định tại Luật cán bộ, công chức giống với công chức hành chính và quy định khác của pháp luật có liên quan, điều lệ của tổ chức mà mình là thành viên. Theo đó, Cán bộ, công chức cấp xã khi giữ chức vụ được hưởng lương và chế độ bảo hiểm; khi thôi giữ chức vụ, nếu đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật được xem xét chuyển thành công chức, trong trường hợp này, được miễn chế độ tập sự và hưởng chế độ, chính sách liên tục; nếu không được chuyển thành công chức mà chưa đủ điều kiện nghỉ hưu thì thôi hưởng lương và thực hiện đóng bảo hiểm tự nguyện theo quy định của pháp luật; trường hợp là cán bộ, công chức được điều động, luân chuyển, biệt phái thì cơ quan có thẩm quyền bố trí công tác phù hợp hoặc giải quyết chế độ theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tiêu chuẩn, nhiệm vụ cán bộ, công chức cấp xã

- Về tiêu chuẩn của cán bộ cấp xã được quy định: Điều 6, Điều 7 Nghị định số 114/2003/NĐ-CP về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn được thay thế tại khoản 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP (đối với cán bộ cấp xã); Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV quy định tiêu chuẩn cụ thể với cán bộ, công chức cấp xã. Theo đó, cán bộ cấp xã có 3 tiêu chuẩn chung; tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã, cán bộ chuyên trách cấp xã làm việc trong các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội do các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp Trung ương quy định; tiêu chuẩn cụ thể của cán bộ chuyên trách cấp xã làm việc trong Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và tiêu chuẩn của công chức cấp xã do Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định.

- Về tiêu chuẩn với công chức cấp xã được quy định tại: tiêu chuẩn cụ thể của công chức cấp xã được quy định tại: Luật hộ tịch 2014; Nghị định số 174/2016/NĐ-CP hướng dẫn một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Điều 1 Thông tư số 13/2019/TT-BNV. Theo đó, tiêu chuẩn của công chức cấp xã gồm tiêu chuẩn về độ tuổi, trình độ giao dục phổ thông, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ tin học, đồng thời quy định giao UBND cấp tỉnh quy định cụ thể tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ trung cấp trở lên đối với công chức làm việc tại các xã: miền núi, vùng cao, biên giới, hải đảo, xã đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và quy định ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã trong từng kỳ tuyển dụng; đồng thời Thông tư số 13/2019/TT-BNV quy định trường hợp chưa đạt đủ tiêu chuẩn theo quy định (trình độ đại học) thì trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành phải đáp ứng đủ theo quy định.

- Nhiệm vụ của cán bộ cấp xã được quy định từ Điều 5 đến Điều 8 Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn. Ngoài ra còn được quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Điều lệ

của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và quy định của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương.

- Nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã được quy định cụ thể tại Điều 2 Thông tư số 13/2019/TT-BNV hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Ngoài ra nhiệm vụ cụ thể của công chức cấp xã còn được quy định tại quy định của pháp luật chuyên ngành.

2.4. Về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã

Chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã được quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); Nghị định số 92/2009/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP); Thông tư số 13/2019/TT-BNV. Ngoài ra các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức còn được quy định tại pháp luật chuyên ngành. Theo đó về chế độ tiền lương, phụ cấp và một số chế độ chính sách khác đối với cán bộ, công chức cấp xã được quy định từ Điều 5 đến Điều 12 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP); Điều 10, Điều 11 Thông tư số 13/2019/TT-BNV.

2.5. Về bầu cử, tuyển dụng, tập sự, điều động, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý, đánh giá cán bộ công chức cấp xã

- Việc bầu cử cán bộ, tuyển dụng công chức cấp xã; chế độ tập sự, điều động, luân chuyển, đào tạo bồi dưỡng, quản lý đánh giá cán bộ, công chức được quy định tại Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều lệ của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; các quy định khác của pháp luật và của cơ quan có thẩm quyền; Điều 12 Nghị định số 114/2003/NĐ-CP; từ Điều 5 đến Điều 28 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP; từ Điều 3 đến Điều 8 Thông tư số 13/2019/TT-BNV.

2.6. Về bãi nhiệm, miễn nhiệm thôi việc đối với cán bộ, công chức

Bãi nhiệm, miễn nhiệm đối với cán bộ thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND; Điều 15 Nghị định số 114/2003/NĐ-CP; Điều 29, Điều 30 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP; Điều lệ của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị- xã hội;

2.7. Về khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức

Việc khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức cấp xã được quy định tại Nghị định số 112/2020/NĐ-CP về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức. Theo đó, Cán bộ cấp xã (trừ cán bộ là người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã

hội cấp huyện) và công chức cấp xã là đối tượng điều chỉnh của NĐ 112/2020/NĐ-CP; Điều lệ của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội;

2.8. Về người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố

- Về chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố

+ Chức danh dân phòng được quy định tại Luật phòng cháy, chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy quy định; Điều 2, Điều 7 Nghị định số 38/2006/NĐ-CP về bảo vệ dân phố; Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản; Thông tư số 07/2013/TT-BYT của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ của y tế, thôn, bản; Nghị định; các điều 13, 14, 15 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP); Điều 13 Thông tư số 13/2019/TT-BNV.

Trên đây là Báo cáo rà soát pháp luật về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, Bộ Nội vụ kính báo cáo Chính phủ./.

BỘ NỘI VỤ